

Số: 8082 /QĐ-UBND

Long Biên, ngày 29 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ sung, điều chỉnh giao chỉ tiêu biên chế năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5199/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 của thành phố Hà Nội; Quyết định số 3459/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao bổ sung viên chức giáo viên năm học 2022-2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung, điều chỉnh giao chỉ tiêu biên chế viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP năm 2022 đối với các trường tiểu học, THCS trực thuộc UBND quận Long Biên.

(Có bảng phân bổ chỉ tiêu kèm theo)

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND & UBND, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Giáo dục & Đào tạo, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Hiệu trưởng các trường tiểu học, THCS trực thuộc UBND quận và các phòng, ban, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. *h*

Nơi nhận: *h*

- Như điều 2;
- Lưu: VT, NV. (06)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hà

BỘ SƯNG, ĐIỀU CHỈNH GIAO BIÊN CHẾ KHÔI TIÊU HỌC NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 8082/QĐ-UBND ngày 29 / 9 /2022 của UBND quận Long Biên)

TT	Tên trường	Tổng số lớp năm học 2022- 2023	Tổng số học sinh năm học 2022- 2023	Tổng giao biên chế	Viên chức								Số giao biên chế	LBHB	68	Bảo vệ
					Tổng viên chức	Ban giám hiệu	Giáo viên văn hóa	Giáo viên năng khẩu	Giáo viên tin học	Giáo viên ngoại ngữ	Tổng phụ trách	Nhân viên hành chính				

1	Ái Mộ A	22	935	35	32	2	21	3	1	1	1	3		3		3
2	Ái Mộ B	31	1290	51	48	3	30	7	1	1	1	5		3		3
3	Bồ Đề	30	1269	44	41	3	27	4	1	1		4		3		3
4	Cự Khối	26	1050	40	36	2	24	5	1	1		3		4		4
5	Đoàn Kết	33	1412	47	44	3	30	4	1	1	1	4		3		3
6	Đoàn Khuê	23	884	34	31	2	21	3	1	1		3		3		3
7	ĐT Việt Hưng	32	1260	49	46	3	29	6	2	1	1	4		3		3
8	Đức Giang	31	1156	53	50	3	35	6	1	1		4		3		3
9	Gia Quất	25	961	36	33	2	23	3	1	1		3		3		3
10	Gia Thượng	28	1067	40	37	3	26	3	1	1		3		3		3
11	Gia Thụy	44	1960	71	68	3	47	10	1	1	1	5		3		3
12	Giang Biên	24	965	35	32	2	22	3	1	1		3		3		3
13	Lê Quý Đôn	29	1251	40	37	3	26	3	1	1		3		3		3
14	Long Biên	36	1702	54	50	3	33	7	1	1	1	4		4		4
15	Lý Thường Kiệt	21	817	32	30	2	20	3	1	1		3		2		2
16	Ngô Gia Tự	28	1088	50	47	3	30	7	1	1	1	4		3		3

TT	Tên trường	Tổng số lớp năm học 2022- 2023	Tổng số học sinh năm học 2022- 2023	Tổng giáo viên chế biên	Số giao biên chế										Viên chức	LBHD	68	Bảo vệ
					Tổng viên chức	Ban giám hiệu	Giáo viên văn hóa	Giáo viên năng khieu	Giáo viên tin học	Giáo viên ngoại ngữ	Tổng phụ trách	Nhân viên hành chính						
17	Ngọc Lâm	34	1465	55	52	3	36	6	1	1	1	4	3					
18	Ngọc Thủy	39	1700	58	55	3	37	7	1	1	1	5	3					
19	Phúc Đông	31	1370	45	42	3	28	4	1	1	1	4	3					
20	Phúc Lợi	30	1165	44	41	3	27	4	1	1	1	4	3					
21	Sài Đông	34	1563	54	51	3	33	7	1	1	1	5	3					
22	Thạch Bàn A	26	1013	38	34	2	24	3	1	1	1	3	4					
23	Thạch Bàn B	30	1170	45	42	3	27	5	1	1	1	4	3					
24	Thanh Âm	28	980	49	45	3	32	4	1	1	1	3	4					
25	Thượng Thanh	30	1205	55	52	3	35	6	1	1	1	5	3					
26	Việt Hưng	29	1100	44	41	3	26	5	1	1	1	4	3					
27	Vũ Xuân Thiệu	31	1215	45	42	3	28	4	1	1	1	4	3					
	Tổng I	805	33013	1243	1159	74	777	132	28	27	18	103	84					
II	Các trường tự chủ																	
I	ĐT Sài Đông	28	774	38	35	3	22	4	1	1	1	3	3					
	Tổng II	28	774	38	35	3	22	4	1	1	1	3	3					
III	Trường dành cho người khuyết tật																	
I	PTCS Hy Vong	7	65	31	27	2	17	3	1	0	1	3	4					
	Tổng III	7	65	31	27	2	17	3	1	0	1	3	4					
	Tổng I + II + III	840	33852	1312	1221	79	816	139	30	28	20	109	91					

BỘ SƯNG, ĐIỀU CHỈNH CHẾ KHỐI THCS NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 8082/QĐ-UBND ngày 29 / 9 /2022 của UBND quận Long Biên)

TT	Tên trường	Tổng số lớp năm học 2022- 2023	Tổng số học sinh năm học 2022-2023	Tổng biên chế giao	Viên chức								Số giao biên chế
					Tổng biên chức	Ban giám hiệu	Giao viên văn hóa	Giao viên năng khuyến	Giao viên tin	Tổng phụ trách	Nhân viên hành chính	Nhân viên bảo vệ	
1	Ái Mộ	35	1670	69	66	3	49	8	1		5	3	
2	Bồ Đề	20	783	44	41	2	28	4	1	1	5	3	
3	Chu Văn An	21	714	38	35	3	22	4	1	1	4	3	
4	Cự Khối	19	751	41	39	2	26	4	1	1	5	2	
5	DT Việt Hưng	23	964	49	46	2	32	5	1	1	5	3	
6	Đức Giang	21	823	44	42	2	29	5	1		5	2	
7	Gia Thụy	36	1777	72	69	3	51	8	1	1	5	3	
8	Giang Biên	17	651	39	36	2	24	4	1		5	3	
9	Lê Quý Đôn	15	595	35	32	2	21	3	1		5	3	
10	Long Biên	27	1172	54	51	2	37	6	1	1	4	3	
11	Lý Thường Kiệt	24	988	48	45	2	33	5	1		4	3	
12	Ngô Gia Tự	18	737	44	41	2	28	4	1	1	5	3	
13	Ngọc Lâm	26	1309	57	54	3	39	7	1		4	3	
14	Ngọc Thụy	28	1196	57	54	3	39	6	1		5	3	
15	Nguyễn Bình Khiêm	15	677	34	32	2	21	3	1	1	4	2	
16	Phúc Đồng	14	550	31	29	2	19	3	1		4	2	
17	Phúc Lợi	18	720	40	37	2	25	4	1		5	3	
18	Sài Đồng	35	1415	69	66	3	49	7	1	1	5	3	

TIỆN T.P. HÀ

Số giao biên chế		Viên chức										LBHD		68
TT	Tên trường	Tổng số lớp năm học 2022-2023	Tổng số học sinh năm học 2022-2023	Tổng biên chế giao	Tổng viên chức							Nhân viên hành chính		Nhân viên bảo vệ
					Ban giám hiệu	Giáo viên văn hóa	Giáo viên năng khiếu	Giáo viên tin	Tổng phụ trách	Nhân viên hành chính	Nhân viên bảo vệ			
19	Thạch Bàn	38	1667	74	70	3	53	1		5	4			
20	Thanh Am	23	897	46	44	2	32	1		4	2			
21	Thượng Thanh	22	899	47	44	3	30	5	1	4	3			
22	Việt Hưng	19	798	42	39	2	26	5	1	4	3			
23	Gia Quát	10	385	26	24	2	14	2	1	5	2			
Tổng		524	22138	1100	1036	54	727	115	23	11	106			64